

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 39

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF), Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Phạm Minh Hương được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 12/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Phạm Minh Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thủy Lan	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám Đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bà Phạm Minh Hương
Giám đốc
kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcm@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12857310/E-68458220

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phước Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		143.643.056.235	112.621.259.166
110	<i>I. Tiền và tương đương tiền</i>	5	15.492.441.235	6.682.572.682
111	1. Tiền		299.815.139	322.636.398
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.192.626.096	6.359.936.284
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	6	96.973.184.864	102.343.864.807
121	1. Đầu tư ngắn hạn		99.173.579.036	102.343.864.807
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.200.394.172)	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		31.148.259.997	3.553.038.955
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	7	28.768.650.279	865.904.401
135	2. Các khoản phải thu khác	8	2.399.609.718	2.902.134.554
139	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.000.000)	(215.000.000)
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>		29.170.139	41.782.722
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	29.170.139	41.782.722
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.787.352.875	1.759.515.366
250	<i>I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	10	2.295.847.031	906.845.851
258	1. Đầu tư dài hạn khác		4.600.000.000	4.600.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.304.152.969)	(3.693.154.149)
260	<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>		491.505.844	852.669.515
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		20.675.250	104.038.685
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27,3	460.830.594	738.630.830
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	10.000.000	10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		146.430.409.110	114.380.774.532
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		14.220.875.268	6.845.385.901
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		13.802.126.293	6.338.277.622
312	1. Phải trả người bán	12	70.614.227	69.993.768
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.051.168.519	1.686.012.182
316	3. Chi phí phải trả	14	146.692.985	114.969.065
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	4.533.650.562	4.467.302.607
330	<i>II. Nợ dài hạn</i>		418.748.975	507.108.279
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27,3	418.748.975	507.108.279
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	132.209.533.842	107.535.388.631
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.916.896.584	1.916.896.584
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.292.637.258	5.618.492.047
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		146.430.409.110	114.380.774.532

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6	1. Chứng khoán lưu ký của Công ty Quản lý Quỹ	17	92.592.044.400	108.371.100.000
	Trong đó:			
7	1.1. Chứng khoán giao dịch		92.592.044.400	108.371.100.000
11	1.2. Chứng khoán chờ thanh toán		-	-
20	2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty Quản lý quỹ		4.500.000.000	4.500.000.000
30	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	18	849.565	1.398.436
31	3.1. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		849.565	1.398.436
40	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	19	5.563.142.852.175	1.138.104.461.100
41	4.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước		5.563.142.852.175	1.138.104.461.100
50	5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	20	-	4.308.102.400
51	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	21	27.923.530.060	255.549.695

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Người lập
 Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng



Người phê duyệt
 Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 kiêm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1	1. Doanh thu		37.816.594.030	7.382.268.242
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	37.816.594.030	7.382.268.242
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	23	(10.020.251.237)	(16.171.235.280)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		27.796.342.793	(8.788.967.038)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	24.094.441.898	13.789.848.266
22	7. Chi phí tài chính	25	(2.478.239.452)	867.626.723
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(3.367.465.051)	(3.461.444.616)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.045.080.188	2.407.063.335
31	10. Thu nhập khác		-	-
32	11. Chi phí khác		(321.947.020)	-
40	12. LỖ khác		(321.947.020)	-
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.723.133.168	2.407.063.335
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(8.859.547.025)	(904.384.534)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(189.440.932)	422.971.867
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		36.674.145.211	1.925.650.668

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Người lập
Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt
Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

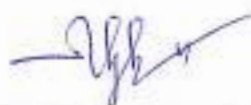
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	1. Lợi nhuận trước thuế		45.723.133.168	2.407.063.335
3	2. Điều chỉnh cho các khoản		(6.097.801.057)	(11.761.492.071)
	- Các khoản chi phí/(hoàn nhập) dự phòng		616.392.992	(906.845.851)
5	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.714.194.049)	(10.854.646.220)
8	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.625.332.111	(9.354.428.736)
9	- Tăng các khoản phải thu		(28.037.017.560)	(120.719.263)
10	- Giảm hàng tồn kho (chứng khoán kinh doanh)		7.170.285.771	17.313.283.039
11	- Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(491.313.820)	(3.756.408.819)
12	- Giảm chi phí trả trước		95.976.018	102.435.410
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(904.384.534)	(3.916.124.369)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.458.877.986	268.037.262
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(36.545.638.000)	-
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.545.638.000	18.000.000.000
26	3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.350.990.567	9.276.351.405
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.350.990.567	27.276.351.405
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(12.000.000.000)	(30.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(12.000.000.000)	(30.000.000.000)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	16	1.916.896.584	-	-	1.916.896.584	-	-	-	-
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	16	1.916.896.584	1.916.896.584	-	-	-	-	1.916.896.584	1.916.896.584
4. Lợi nhuận chưa phân phối	16	31.775.944.795	5.618.492.047	3.842.547.252	30.000.000.000	36.674.145.211	12.000.000.000	5.618.492.047	30.292.637.258
Tổng cộng		135.609.737.983	107.535.388.631	3.842.547.252	31.916.896.584	36.674.145.211	12.000.000.000	107.535.388.631	132.209.533.842

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Người lập
Bà Nguyễn Thị Thủy Lan
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt
Bà Phạm Minh Hương
Chủ tịch
kiểm Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 100 tỷ đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100 tỷ đồng Việt Nam).

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF), Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF); Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100) và Quỹ đầu tư thành viên IPA (IPAMF). Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức trong nước.

Công ty có Trụ sở chính đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18 người (31 tháng 12 năm 2023: 20 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Các chính sách của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày gửi, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư*Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác*

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Chứng khoán tự doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư vào trái phiếu chính phủ được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ kế toán tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

4.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.6 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

4.8 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thường hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Lợi ích nhân viên

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư 28/2015/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền	299.815.139	322.636.398
Tiền gửi không kỳ hạn	299.815.139	322.636.398
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	106.667.516	61.832.508
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Phòng giao dịch Yết Kiêu	67.401.791	260.803.890
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Hội sở	125.745.832	-
Các khoản tương đương tiền	15.192.626.096	6.359.936.284
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Công ty Cổ phần chứng khoán VNDirect	10.192.626.096	9.936.284
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	5.000.000.000	6.350.000.000
Tổng cộng	15.492.441.235	6.682.572.682

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư ngắn hạn (i)	99.173.579.036	102.343.864.807
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (ii)	(2.200.394.172)	-
Tổng cộng	96.973.184.864	102.343.864.807

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>
Đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	8.225	160.376.287	2.909.280	23.031.799.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	500.000	6.100.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	488.990	48.913.202.961	792.783	79.312.065.807
Chứng chỉ quỹ	3.861.079	39.999.999.788	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	4.000	4.000.000.000	-	-
	4.862.294	99.173.579.036	3.702.063	102.343.864.807
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(2.200.394.172)	-	-
Tổng cộng	4.862.294	96.973.184.864	3.702.063	102.343.864.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm (tiếp theo):

Trong đó, các cổ phiếu bị giảm giá bao gồm:

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	48	3.662.972	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (mã cổ phiếu: GAS)	48	3.662.972	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	500.000	6.100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (mã cổ phiếu: C4G)	500.000	6.100.000.000	-	-
Tổng cộng	500.048	6.103.662.972	-	-

(ii) Biến động dự phòng trong năm như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	2.597.864.995	-
Hoàn nhập trong năm	(397.470.823)	-
Số cuối năm	2.200.394.172	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty trích lập dự phòng giảm giá đối với cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (mã cổ phiếu: GAS) và cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO4 (mã cổ phiếu: C4G).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (i)	905.506.610	657.264.391
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	16.879.340.669	208.640.010
Phải thu phí thưởng hoạt động (ii)	10.983.803.000	-
Tổng cộng	28.768.650.279	865.904.401

(i) Theo quy định tại Điều lệ Quỹ của các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty, Công ty sẽ được hưởng phí quản lý như sau:

<u>Quỹ được quản lý</u>	<u>Tỷ lệ phí quản lý quỹ/năm</u>
Quỹ Đầu tư Chủ động VND (VNDAF)	1,50%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND (VNDBF)	1,10%
Quỹ Đầu tư Trái phiếu linh hoạt VND (VNDCF)	0,90%
Quỹ ETF IPAAM VN100 (IPAAM VN100)	0,60%
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA (IPAMF)	0,50%

Theo đó, phí quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá và thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Tỷ lệ phí có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

(ii) Theo các hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng tỷ lệ phí quản lý không quá 2% trên giá trị tài sản ròng hoặc giá trị giao dịch thành công. Ngoài ra, Công ty được hưởng phí thưởng khi Danh mục vượt ngưỡng lợi nhuận kỳ vọng quy định cụ thể trong hợp đồng quản lý Danh mục đầu tư.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu từ cổ tức	20.000.000	215.000.000
Phải thu từ trái tức	2.025.624.328	2.535.541.394
Phải thu lãi tiền gửi	68.120.548	-
Phải thu người lao động	105.561.200	-
Các khoản phải thu khác	180.303.642	151.593.160
Tổng cộng	2.399.609.718	2.902.134.554

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÁN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí mua bảo hiểm AON - PTI	29.170.139	41.782.722
Tổng cộng	29.170.139	41.782.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		450.000	4.600.000.000	450.000	4.600.000.000
Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	15%	450.000	4.600.000.000	450.000	4.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (i)			(2.304.152.969)		(3.693.154.149)
Tổng cộng		450.000	2.295.847.031	450.000	906.845.851

(i) Các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu không niêm yết: Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	2.304.152.969	3.693.154.149
Tổng cộng	2.304.152.969	3.693.154.149

Biến động các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	3.693.154.149	4.600.000.000
Hoàn nhập trong năm	(1.389.001.180)	(906.845.851)
Số cuối năm	2.304.152.969	3.693.154.149

11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Tổng cộng	10.000.000	10.000.000

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP chứng khoán VNDIRECT	69.042.308	59.351.685
Đối tượng khác	1.571.919	10.642.083
Tổng cộng	70.614.227	69.993.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số dư đầu năm (trình bày lại)	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	904.384.534	8.859.547.025	(904.384.534)	8.859.547.025
Thuế thu nhập cá nhân	781.627.648	1.435.149.793	(2.025.155.947)	191.621.494
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Tổng cộng	1.686.012.182	10.297.696.818	(2.932.540.481)	9.051.168.519

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí kiểm toán	108.000.000	108.000.000
Chi phí phải trả khác	38.692.985	6.969.065
Tổng cộng	146.692.985	114.969.065

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí Công đoàn	212.712.445	185.584.445
Phải trả tiền tạm ứng cổ tức	4.275.000.000	4.275.000.000
Phải trả, phải nộp khác	45.938.117	6.718.162
Tổng cộng	4.533.650.562	4.467.302.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	100.000.000.000	1.916.896.584	1.916.896.584	31.775.944.795	135.609.737.963
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.925.650.668	1.925.650.668
Hoàn nhập Quỹ dự phòng tài chính (*)	-	(1.916.896.584)	-	1.916.896.584	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	100.000.000.000	-	1.916.896.584	5.618.492.047	107.535.388.631
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	100.000.000.000	-	1.916.896.584	5.618.492.047	107.535.388.631
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	36.674.145.211	36.674.145.211
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	100.000.000.000	-	1.916.896.584	30.292.637.258	132.209.533.842

(*) Theo Quyết định số 77-1/2023/QĐ-CT ngày 15 tháng 06 năm 2023 về việc hoàn nhập Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

(**) Theo Quyết định số 194/2024/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHỨNG KHOÁN LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị theo mệnh giá VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị theo mệnh giá VND</i>
Chứng khoán giao dịch	4.858.294	92.592.044.400	3.702.063	108.371.100.000
Chứng khoán chờ thanh toán	-	-	-	-
Tổng cộng	4.858.294	92.592.044.400	3.702.063	108.371.100.000

18. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số dư đầu năm	1.398.436	1.395.531
Số tăng trong năm	38.841.655.204	20.794.898.010
Số giảm trong năm	(38.842.204.075)	(20.794.895.105)
Số dư cuối năm	849.565	1.398.436
Trong đó:		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty cổ phần Bkav		
Số dư đầu năm	528.587	516.428
Số tăng trong năm	141.653.488	123.937.360
Số giảm trong năm	(142.182.075)	(123.925.201)
Số dư cuối năm	-	528.587
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Âm thực Mặt trời vàng		
Số dư đầu năm	869.849	879.103
Số tăng trong năm	38.700.001.716	20.670.960.650
Số giảm trong năm	(38.700.022.000)	(20.670.969.904)
Số dư cuối năm	849.565	869.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.563.142.852.175	1.138.104.461.100
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.079.899.115.175	-
- Cổ phiếu niêm yết	578.849.076.000	757.327.541.100
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (mã cổ phiếu: PTI)	578.849.076.000	757.327.541.100
- Cổ phiếu chưa niêm yết	300.000.000.000	380.776.920.000
Trong đó, các mã cổ phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu niêm yết	100.975.000.000	-
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	503.419.661.000	-
Trong đó, các mã trái phiếu bị giảm giá:	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Tổng cộng	5.563.142.852.175	1.138.104.461.100

20. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền cổ tức được chia	-	4.308.102.400
Tổng cộng	-	4.308.102.400

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư và phí thường	27.863.143.669	208.640.010
Phải trả phí lưu ký tại Ngân hàng	60.386.391	46.909.685
Tổng cộng	27.923.530.060	255.549.695

22. DOANH THU THUẬN VÊ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	9.234.250.535	6.535.634.255
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	17.598.540.495	846.633.987
Doanh thu từ phí thường hoạt động	10.983.803.000	-
Tổng cộng	37.816.594.030	7.382.268.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	7.038.014.836	7.064.347.196
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	2.982.236.401	9.106.888.084
Tổng cộng	10.020.251.237	16.171.235.280

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi kinh doanh chứng khoán	17.380.247.849	2.935.202.046
Cổ tức được nhận	605.140.400	-
Lãi trái phiếu	5.420.295.310	10.229.402.037
Lãi tiền gửi ngân hàng	688.758.339	625.244.183
Tổng cộng	24.094.441.898	13.789.848.266

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.452.381.530	-
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	2.200.394.172	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.389.001.180)	(906.845.851)
Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký	212.595.477	-
Chi phí tài chính khác	1.869.453	39.219.128
Tổng cộng	2.478.239.452	(867.626.723)

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	2.239.978.721	2.613.010.026
Chi phí thuê văn phòng	760.000.000	101.864.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.221.000	6.557.446
Thuế, phí và lệ phí	18.910.031	34.029.803
Chi phí phân bổ CCDC, phần mềm	12.450.000	63.547.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	326.905.299	642.435.591
Tổng cộng	3.367.465.051	3.461.444.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.723.133.168	2.407.063.335
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(1.425.398.042)	2.114.859.334
Các khoản điều chỉnh tăng	763.743.538	3.693.154.149
- Dự thu lãi trái phiếu, tiền gửi	441.796.518	-
- Chi phí không được khấu trừ thuế	321.947.020	-
- Chi phí dự phòng đầu tư	-	3.693.154.149
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.189.141.580)	(1.578.294.815)
- Doanh thu không chịu thuế - Cổ tức	(605.140.400)	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(1.584.001.180)	-
- Dự thu lãi trái phiếu, tiền gửi	-	(1.578.294.815)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	44.297.735.126	4.521.922.669
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.859.547.025	904.384.534
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	165.753.704	3.916.124.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng theo tờ khai QT điều chỉnh bổ sung năm trước	738.630.830	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(904.384.534)	(3.916.124.369)
Chi phí thuế TNDN hoàn lại	189.440.932	(422.971.867)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	8.859.547.025	904.384.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	738.630.830	738.630.830
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	<u>(277.800.236)</u>	<u>-</u>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>460.830.594</u>	<u>738.630.830</u>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	507.108.279	507.108.279
Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	<u>(88.359.304)</u>	<u>-</u>
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	<u>418.748.975</u>	<u>507.108.279</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng trong công tác quản trị của Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như tổng hợp dưới đây.

28.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- ▶ độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- ▶ độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khác, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản nợ phải trả tài chính. Những khoản đầu tư này phần lớn là ngắn hạn và không được nắm giữ với mục đích đầu cơ.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Phân tích về mức độ nhạy cảm với lãi suất không được thực hiện cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty rất nhỏ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của chứng khoán vốn niêm yết mà Công ty đang nắm giữ là 164.355.700 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 20% của chỉ số chứng khoán niêm yết có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

28.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Phân tích và Đầu tư chứng khoán theo chính sách của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	<i>Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và chưa bị giảm giá</i>	<i>Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.492.441.235	-	-	15.492.441.235
Các khoản đầu tư ngắn hạn	93.069.916.064	-	6.103.662.972	99.173.579.036
Các khoản phải thu ngắn hạn	31.148.259.997	-	20.000.000	31.168.259.997
Chi phí trả trước ngắn hạn	29.170.139	-	-	29.170.139
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	20.675.250	-	-	20.675.250
Tài sản dài hạn khác	10.000.000	-	-	10.000.000
Tổng cộng	139.770.462.685	-	10.723.662.972	150.494.125.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

28.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Không kỳ hạn</i>	<i>Đến 3 tháng</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.492.441.235	-	-	-	15.492.441.235
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	96.973.184.864	-	96.973.184.864
Phải thu nghiệp vụ khác	28.768.650.279	-	-	-	28.768.650.279
Các khoản phải thu khác	2.131.185.528	248.424.190	-	20.000.000	2.399.609.718
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	29.170.139	-	29.170.139
Tài sản dài hạn khác	20.675.250	-	10.000.000	-	30.675.250
Tổng tài sản	46.412.952.292	248.424.190	97.012.355.003	20.000.000	143.693.731.485
Nợ phải trả					
Phải trả người bán	70.614.227	-	-	-	70.614.227
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.051.168.519	-	-	-	9.051.168.519
Chi phí phải trả	-	146.692.985	-	-	146.692.985
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.533.650.562	-	-	-	4.533.650.562
Tổng nợ phải trả	13.655.433.308	146.692.985	-	-	13.802.126.293
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	32.757.518.984	101.731.205	97.012.355.003	20.000.000	129.891.605.192

28.4 Tài sản đảm bảo

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn và không sử dụng bất kỳ tài sản nào của Công ty nhằm đảm bảo cho bất kỳ khoản vay và nợ ngắn hạn của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Tiền gửi giao dịch chứng khoán	10.192.626.096	9.936.284
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	48.233.404	46.064.638
		Phải trả phí giao dịch phát hành/ mua lại CCQ cho đại lý phân phối	69.042.308	59.351.685
		Danh mục đầu tư ủy thác	578.849.076.000	757.327.541.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Vốn góp	100.000.000.000	100.000.000.000
		Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	23.031.799.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Danh mục đầu tư ủy thác	27.762.000.000 4.684.293.776.175	- -
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở	327.680.984	298.977.241
		Thu lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	61.614.713	57.774.853
		Phí phát hành/mua lại CCQ	42.853.905	54.857.650
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở	301.714.898	166.548.747
		Thu lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	64.516.955	38.884.357
		Phí phát hành/mua lại CCQ	12.236.034	1.451.287
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ mở	88.477.286	66.142.503
		Thu lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPAAM trả hộ	36.171.974	36.933.950
		Số lượng Chứng chỉ quỹ nắm giữ	3.861.079,44	-
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ	76.099.375	69.286.963
		Thu lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, phí trả hộ VSD	20.200.000	18.000.000
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ	56.444.128	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư	536.703.474	466.710.560
		Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán	12.074.053	540.146
		Phí giao dịch và phí lưu ký	212.595.477	39.219.128
		Phí đại lý bổ sung, phí giao dịch quỹ mở	1.179.785.039	636.394.283
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Công ty mẹ	Thuế văn phòng	1.140.000.000	-
		Thoái đầu tư	23.031.799.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty đồng thời là chủ tịch HĐQT bên liên quan	Phí quản lý danh mục đầu tư	27.762.000.000	-
Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	3.860.771.481	3.563.156.160
		Phí giao dịch quỹ mở	408.144.283	441.274.935
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	421.681.076	387.988.745
		Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	204.247.496	143.188.389
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	3.000.008.997	1.843.375.155
		Phí giao dịch quỹ mở	195.480.187	27.901.140
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	358.787.026	314.092.175
		Phí phát hành/mua lại CCQ trả hộ cho đại lý phân phối	14.236.517	5.385.478
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt VND	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	1.042.149.133	241.751.720
		Thù lao, thuế Ban đại diện Quỹ IPAAM trả hộ	349.956.035	86.634.319
		Giá trị Chứng chỉ quỹ mua trong kỳ	39.999.999.788	-
Quỹ ETF IPAAM VN100	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	308.152.900	269.601.278
		Phí giao dịch quỹ mở	2.858.290	-
		Thù lao ban đại diện quỹ IPAAM trả hộ, thuế bán chứng khoán của nhà đầu tư	160.000.000	151.200.000
Quỹ Đầu tư Thành viên IPA	Quỹ được quản lý	Phí quản lý quỹ mở	198.201.251	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Điều hành:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác	1.261.765.808	1.829.472.528
Tổng cộng	1.261.765.808	1.829.472.528

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đến 1 năm	1.140.000.000	114.923.783
Từ 1 đến 5 năm	-	-
Tổng cộng	1.140.000.000	114.923.783

Các khoản tiền thuê cam kết ước tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng còn hiệu lực vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

31. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

	<u>Giá trị</u>
Hoạt động quản lý quỹ	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	5
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	588.093.131.100
Số lượng quỹ lập trong năm	1
Số lượng quỹ đóng trong năm	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	8.409.283.762
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mới (2)	824.966.773
Hoạt động quản lý danh mục đầu tư	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu năm	3
Số hợp đồng ký trong năm	1
Số hợp đồng thanh lý trong năm	1
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	3
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thường (3)	28.582.343.495
Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)	37.816.594.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	1,90%	1,54%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	98,10%	98,46%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (<i>Nợ phải trả/ Tổng tài sản</i>)	%	9,71%	5,98%
Khả năng thanh toán hiện hành (<i>Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	10,41	17,77
Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản lưu động - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	10,41	17,77
Khả năng thanh toán bằng tiền (<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,12	1,05
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	96,98%	26,08%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (<i>Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản</i>)	%	25,05%	1,68%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (<i>Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu</i>)	%	27,74%	1,79%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, khoản trích lập dự phòng giảm giá trị cho khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa số tiền 3.693.154.149 đồng không được xác định là chi phí hợp lý cho mục đích tính thuế năm 2023, tương ứng với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung là 738.630.830 đồng. Công ty đánh giá đây là khoản chênh lệch thuế tạm thời giữa chi phí kế toán và chi phí thuế, do đó thực hiện điều chỉnh lại số đầu kỳ về thuế thu nhập hoãn lại đối với chênh lệch nêu trên với số tiền 738.630.830 đồng.

Để phục vụ mục đích trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh lại một số số liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan để phù hợp với sự thay đổi trên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, chi tiết việc điều chỉnh lại như sau:

Trên bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số đầu năm (đã trình bày trước đó)	Điều chỉnh	Số đầu năm (trình bày lại)
	TÀI SẢN			
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	112.621.259.166		112.621.259.166
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.020.884.536	738.630.830	1.759.515.366
250	<i>I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	906.845.851		906.845.851
260	<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	114.038.685	738.630.830	852.669.515
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	104.038.685		104.038.685
262	4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	738.630.830	738.630.830
268	5. Tài sản dài hạn khác	10.000.000		10.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	113.642.143.702	738.630.830	114.380.774.532
	NGUỒN VỐN			
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	6.106.755.071	738.630.830	6.845.385.901
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	5.599.646.792	738.630.830	6.338.277.622
312	1. Phải trả người bán	69.993.768		69.993.768
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	947.381.352	738.630.830	1.686.012.182
316	3. Chi phí phải trả	114.969.065		114.969.065
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.467.302.607		4.467.302.607
330	<i>II. Nợ dài hạn</i>	507.108.279		507.108.279
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	107.535.388.631		107.535.388.631
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	113.642.143.702	738.630.830	114.380.774.532

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm trước (đã trình bày trước đó)	Điều chỉnh	Năm trước (trình bày lại)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.407.063.335		2.407.063.335
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(165.753.704)	(738.630.830)	(904.384.534)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(315.658.963)	738.630.830	422.971.867
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.925.650.668		1.925.650.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Thuyết minh số 13 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số dư đầu năm (đã trình bày trước đó)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Số dư đầu năm (trình bày lại)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.753.704	738.630.830	904.384.534
Thuế thu nhập cá nhân	781.627.648		781.627.648
Các loại thuế khác	-		-
Tổng cộng	947.381.352	738.630.830	1.686.012.182

Thuyết minh số 27 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Năm trước (đã trình bày trước đó)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.407.063.335		2.407.063.335
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(1.578.294.815)	3.693.154.149	2.114.859.334
Các khoản điều chỉnh tăng	-	3.693.154.149	3.693.154.149
- <i>Chi phí dự phòng đầu tư</i>	-	3.693.154.149	3.693.154.149
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.578.294.815)		(1.578.294.815)
- <i>Dự thu lãi trái phiếu, tiền gửi</i>	(1.578.294.815)		(1.578.294.815)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	828.768.520	3.693.154.149	4.521.922.669
Thuế suất thuế TNDN	20%		20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	165.753.704	738.630.830	904.384.534
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3.916.124.369		3.916.124.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng theo tờ khai QT điều chỉnh bổ sung năm trước	-		-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.916.124.369)		(3.916.124.369)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	315.658.963	(738.630.830)	(422.971.867)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	165.753.704	738.630.830	904.384.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Thuyết minh số 32 - Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước (đã trình bày trước đó)	Năm trước (trình bày lại)
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	0,90%	1,54%
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	99,10%	98,46%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Nợ phải trả/ Tổng tài sản)	%	5,37%	5,98%
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	Lần	20,11	17,77
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	20,11	17,77
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,19	1,05
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	1,69%	1,68%



34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập
 Bà Nguyễn Thị Thúy Lan
 Kế toán Trưởng



Người phê duyệt
 Bà Phạm Minh Hương
 Chủ tịch
 kiêm Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn